

NHẬN THỨC CỦA NỮ SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VỀ QUẢY RỐI TÌNH DỤC

Lê Thị Lâm

Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt. Nghiên cứu khảo sát 618 nữ sinh viên tại 5 trường Đại học trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng. Công cụ thu thập dữ liệu là bảng hỏi tự điền các câu hỏi đóng và mở để đánh giá hiểu biết của nữ sinh viên về quấy rối tình dục. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Kết quả cho thấy, khả năng nhận diện các tình huống quấy rối tình dục của nữ sinh vẫn còn chưa thật sự chính xác hoặc còn nhầm lẫn trong một số tình huống. Nữ sinh nhận diện tốt những tình huống quấy rối tình dục có tính đụng chạm về mặt cơ thể, dễ quan sát và đo đếm được. Các tình huống quấy rối tình dục thông qua lời nói, hoặc cử chỉ phi ngôn ngữ, quấy rối tình dục trực tuyến có thể bị nhầm lẫn với trêu đùa, tán tỉnh. Trong hiểu biết của nữ sinh, nơi làm thêm, các địa điểm, phương tiện công cộng, đặc biệt các đoạn đường vắng, thiếu đèn đường, ở nhà trọ, khu dân cư có an ninh không đảm bảo dường như là những nơi có nguy cơ nhiều nhất xảy ra quấy rối tình dục nữ sinh; Người mắc bệnh tình dục (ấu dâm, phô dâm,...), người lạ và người khác giới là đối tượng có nguy cơ cao gây ra quấy rối tình dục. Ý nghĩa của kết quả nghiên cứu đã được bàn luận.

Từ khóa: Nhận thức, quấy rối tình dục, nữ sinh viên, trường đại học, Đà Nẵng.

1. Mở đầu

Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn các công ước quốc tế nghiêm cấm các bạo lực đối với phụ nữ ở những nơi riêng tư cũng như công cộng như Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức Phân biệt đối với Phụ nữ, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị. Điều này thể hiện sự đồng tình và cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc tuân thủ các qui định quốc tế nhằm đảm bảo sự đối xử công bằng đối với phụ nữ, từ đó thúc đẩy các quyền của phụ nữ trong xã hội. Tuy nhiên, Phụ nữ Việt Nam vẫn rất dễ bị tổn thương trước những thách thức hàng ngày trong đó một trong những rủi ro mà nhiều phụ nữ và trẻ em phải đối mặt là bị quấy rối tình dục (ActionAid, 2016; Lê Thị Lâm, 2016). Theo số liệu thống kê từ báo cáo 2010 của UNIFEM (nay là UN Women) có 87% phụ nữ và trẻ gái đã từng bị quấy rối tình dục nơi công cộng và nơi làm việc. Có tới 89% nam giới và những người chứng kiến đã thấy các hành vi này (UN Women, 2010).

Ở Việt Nam, Đà Nẵng được ví là thành phố đáng sống, là địa điểm du lịch nổi tiếng,

Ngày nhận bài: 19/6/2019. Ngày sửa bài: 29/7/2019. Ngày nhận đăng: 1/8/2019.

Tác giả liên hệ: Lê Thị Lâm. Địa chỉ e-mail: thuynguyet164@gmail.com

là miền đất hứa thu hút hàng triệu người tới lao động và sinh sống, và tất cả mọi người đều mong muốn có một môi trường sống an toàn cho bản thân và gia đình. Tuy nhiên, thực tế vẫn cho thấy nhiều phụ nữ và trẻ em gái vẫn chưa thật sự an toàn trước thực trạng quấy rối tình dục (Lê Thị Lâm, 2016, 2018). Quấy rối tình dục để lại những hậu quả tâm lý nặng nề cho nạn nhân. Vì thế, tại Đà Nẵng, vấn đề nhận được sự quan tâm của các cấp quản lý, các hoạt động trợ giúp đang và sẽ được triển khai để hỗ trợ các đối tượng này.

Sinh viên nữ tại Đà Nẵng bao gồm cả những người tại thành phố và những người từ nơi khác đến học tập, đều có cơ hội được tự do tìm hiểu, học hỏi, trau dồi kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát huy hết tiềm năng của bản thân. Trước thực trạng phụ nữ và trẻ em gái không được an toàn trước nạn bị quấy rối tình dục trong đó sinh viên nữ là một trong những đối tượng có nguy cơ cao bị quấy rối tình dục, thì câu hỏi đặt ra, sinh viên nữ có nhận thức như thế nào về các vấn đề liên quan đến quấy rối tình dục. Để hoạt động trợ giúp sinh viên trong phòng ngừa bị quấy rối tình dục có hiệu quả, việc tìm hiểu thực trạng nhận thức của sinh viên về quấy rối tình dục là điều cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề quấy rối tình dục

Trên thế giới, trong vài thập kỷ qua, nghiên cứu về hành vi quấy rối tình dục mới chỉ tập trung vào môi trường làm việc (Boland, 2005). Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây cho thấy quấy rối tình dục được thực hiện bởi bạn học và các nhóm đồng trang lứa ở trường phổ biến hơn rất nhiều so với tỉ lệ bị quấy rối tình dục tại nơi công sở (Fineran & Gruber, 2008). Theo một khảo sát, có thể có đến 80% học sinh THPT báo cáo đã từng trải qua ít nhất một hình thức quấy rối tình dục trong thời gian học ở trường (Petersen & Hyde, 2009). Hệ lụy của quấy rối tình dục học đường cũng đã được nhiều nghiên cứu chỉ ra như việc bị quấy rối làm tăng tỉ lệ trầm cảm (Nadeem & Graham, 2005), lo âu (Nishina & Juvonen, 2005), giảm lòng tự trọng (Lindberg, Grabe, & Hyde, 2007), suy giảm thành tích học tập (Duffy, Wareham & Walsh, 2004); dự báo nguy cơ tự sát (Inbar, 2009). Quấy rối tình dục học đường còn trở nên nghiêm trọng hơn vì nhiều học sinh không nhận thức được đó là những hành vi quấy rối tình dục, vì vậy đã không báo cáo hoặc không có hình thức ngăn chặn việc quấy rối tiếp diễn. So sánh với việc quấy rối tình dục nơi công sở, quấy rối tình dục học đường cũng có nhiều nguy cơ hơn bởi nó ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách lành mạnh của học sinh (Harned & Fitzgerald, 2002).

Liên quan đến nhận thức về quấy rối tình dục, Ei và Bowen (2002) cho rằng đa phần sinh viên nhận thức là bất kỳ hình thức tiếp cận tình dục nào của giáo viên đều là không phù hợp chẳng hạn như cho phép giáo viên tiếp cận nhằm vay tiền, trao đổi điểm hoặc tiến hành các hoạt động trong không gian kín một mình với các giáo viên. Các hình thức quấy rối bằng cử chỉ, bằng ánh mắt, lời nói, hành động giữa giáo viên và học trò cũng không được coi là thích hợp. Các kết quả này đã được sử dụng để xây dựng các chính sách ứng xử với quấy rối tình dục tại trường đại học. Nghiên cứu của McCabe và Hardman (2006) thì chỉ ra rằng yếu tố cá nhân bao gồm tuổi, giới tính, vai trò giới tính, và kinh nghiệm của quá khứ có ảnh hưởng đối với quấy rối tình dục; và các yếu tố như chính sách về quấy rối tình dục, bầu không khí làm việc có ảnh hưởng tới thái độ và

nhận thức của nhân viên về vấn đề quấy rối tình dục. Tuổi có ảnh hưởng tới nhận thức, thái độ về quấy rối tình dục, trong đó các cá nhân trẻ tuổi có xu hướng khoan dung hơn đối với việc bị quấy rối tình dục. Nghiên cứu cũng cho thấy những phụ nữ trẻ có xu hướng ít chịu đựng được quấy rối tình dục, khả năng chịu đựng của họ tăng dần cho đến tuổi 50, sau đó lại có xu hướng giảm. Trong khi đó, đối với đàn ông thì sau tuổi 50 đàn ông có xu hướng ít chịu đựng việc bị quấy rối tình dục hơn so với những người đàn ông trẻ tuổi. Chính vì vậy mà so với đàn ông thì phụ nữ ít khoan dung hơn trong vấn đề quấy rối tình dục.

Ở Việt Nam các nghiên cứu về quấy rối tình dục là một vấn đề còn rất mới mẻ, đặc biệt việc hiểu như thế nào là quấy rối tình dục vẫn còn gây nhiều tranh cãi, khó thống nhất. Cho đến nay gần như chưa có bất kỳ nghiên cứu nào làm rõ nhận thức của sinh viên và đặc biệt là nữ sinh viên – đối tượng được xem là có nguy cơ cao bị quấy rối tình dục, về quấy rối tình dục và các vấn đề liên quan. Một số khảo sát được thực hiện tại các thành phố lớn về mức độ an toàn của phụ nữ và trẻ em gái trước bạo lực nói chung và quấy rối tình dục nói riêng đã chỉ ra mức độ nghiêm trọng của bạo lực tình dục ở nơi công cộng tại các thành phố (UN Women, 2016); Phụ nữ Việt Nam vẫn rất dễ bị tổn thương trước những thành thức hàng ngày trong đó một trong những rủi ro mà nhiều phụ nữ và trẻ em phải đối mặt là bị quấy rối tình dục (Action Aid 2016). Quấy rối tình dục là một vấn đề phổ biến trong các trường học được khảo sát. Trong đó phần lớn học sinh thiếu kiến thức về quấy rối tình dục. Hầu hết các em tin rằng các dạng quấy rối tình dục gián tiếp là tán tỉnh hoặc trêu đùa. Kết quả cũng khẳng định học sinh nữ nhận thức về quấy rối tình dục học đường tốt hơn học sinh nam (Phạm Thành Nam, 2017). Có 88% số sinh viên cho rằng quấy rối tình dục là rủi ro mà rất nhiều phụ nữ và trẻ em gái gặp phải ở nơi công cộng; có 39,3% sinh viên chia sẻ mình đã từng chứng kiến, nhìn thấy người khác bị quấy rối tình dục nơi công cộng, 21,3% những bạn khác cho biết đã từng bị quấy rối tình dục (Lê Thị Lâm, 2016). Bị quấy rối tình dục không là một vấn đề riêng lẻ của bất kỳ ai, rất nhiều học sinh, sinh viên có những trải nghiệm nhất định với các tình huống, biểu hiện của hành vi quấy rối tình dục khác nhau. Bất kể thời gian, địa điểm nào cũng có thể xảy ra quấy rối tình dục nơi công cộng, đặc biệt nguy cơ cao là các buổi tối, nơi vắng vẻ, ít người qua lại. Đối tượng nào cũng có thể nằm trong nhóm thủ phạm gây nên hành vi quấy rối, đặc biệt là người lạ. (Lê Thị Lâm, Phạm Văn Tư, 2018).

Nhìn chung, các kết quả được phản ánh qua tự báo cáo có thể phần nào còn chưa sát thực tế nhưng cho thấy quấy rối tình dục là vấn đề nghiêm trọng ở nhiều nơi và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Ở Việt Nam các nghiên cứu về quấy rối tình dục là một vấn đề còn rất mới mẻ, đặc biệt là trên đối tượng sinh viên. Trong nghiên cứu khám phá này góp phần làm rõ nhận thức của nữ sinh viên về vấn đề quấy rối tình dục trên các khía cạnh (i) Nhận diện về các tình huống quấy rối tình dục; (ii) Nhận biết nguyên nhân gia tăng tình trạng quấy rối tình dục nữ sinh hiện nay; (iii) Nhận diện hậu quả quấy rối tình dục; (iv) Nhận diện các nguy cơ bị quấy rối tình dục (khu vực, thời điểm, đối tượng có nguy cơ quấy rối tình dục).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Có 618 nữ sinh viên đang học tập tại các trường Đại học trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng tình nguyện tham gia nghiên cứu. Công cụ nghiên cứu chính là bảng hỏi cho khách thể tự trả lời. Nghiên cứu tiến hành lập 01 mẫu phiếu điều tra để tìm hiểu thực

trạng hiểu biết của nữ sinh viên về các vấn đề liên quan đến quấy rối tình dục. Nhằm đánh giá hiểu biết của nữ sinh viên về hậu quả của quấy rối tình dục, nghiên cứu liệt kê các phương án liên quan đến nhóm các tác động của quấy rối tình dục đến nạn nhân, gia đình và xã hội. Khách thể có thể chọn nhiều phương án. Nhóm các câu trả lời và tính tỉ lệ phần trăm (%) cho các phương án lựa chọn. Tìm hiểu khả năng nhận diện của nữ sinh viên về các biểu hiện của quấy rối tình dục, nghiên cứu liệt kê 15 tình huống liên quan đến hành vi quấy rối tình dục phụ nữ và trẻ em gái khác nhau, trong mỗi tình huống, nữ sinh cần xác định tình huống đó là biểu hiện của hành vi nào. Các lựa chọn của nữ sinh được tính theo tỉ lệ phần trăm (%) của sự lựa chọn. Các tình huống quấy rối tình dục được liệt kê trong bảng hỏi dựa trên khái niệm và các phân chia về quấy rối tình dục của UN Women (2016). Đánh giá khả năng nhận diện các tình huống, địa điểm, đối tượng có nguy cơ quấy rối tình dục, nghiên cứu liệt kê các phương án với mức độ lựa chọn là (i) Không có nguy cơ; (ii) Có nguy cơ thấp; (iii) Có nguy cơ cao; (iv) Đặc biệt có nguy cơ. Thang đánh giá như sau: 1,5<: Không có nguy cơ; 1,51 – 2,5 có nguy cơ thấp; từ 2,51- 3: có nguy cơ cao; từ 3,1- 4: Đặc biệt có nguy cơ.

Phương pháp xử lí số liệu bằng thống kê toán học với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 22.0.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Nhận diện các biểu hiện tình huống quấy rối tình dục: Vẫn còn nhầm lẫn trong một số tình huống

Nghiên cứu đánh giá khả năng nhận diện biểu hiện quấy rối tình dục của nữ sinh viên qua các tình huống khác nhau. Mỗi tình huống đều gắn với những đặc điểm chính của quấy rối tình dục đó là (i) *Hành động không có sự đồng thuận, cho phép của đối tượng đích*; (ii) *Hàm ý tình dục*; (iii) *Khiến cho đối tượng đích cảm thấy khó chịu về mặt tâm lí và tình dục*.

Kết quả cho thấy những tình huống quấy rối tình dục (QRTD) mang tính thể chất, có tiếp xúc cơ thể như “*động chạm, sờ mó*” được khách thể nhận diện tương đối tốt, phần lớn cho rằng đó chính là quấy rối tình dục hoặc xâm hại tình dục và có xu hướng thiên về cho rằng đó là biểu hiện của xâm hại tình dục nhiều hơn. Chẳng hạn như tình huống “*Người khác sờ mó, đụng chạm một cách cố ý vào bộ phận cơ thể bạn nữ tại nơi công cộng (bến xe, ga tàu, công viên, xe buýt,...)*” (48,9 % xác định đó là quấy rối tình dục và 50,3 % xác định đó là xâm hại tình dục). Có thể lí giải điều này là do trong khái niệm về xâm hại tình dục và quấy rối tình dục trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong một số nghiên cứu khoa học, tuy cách tiếp cận mà hai khái niệm có thể giống hoặc khác nhau về nội hàm nhưng có một số biểu hiện cụ thể về hành vi thì giống nhau, đặc biệt là các biểu hiện liên quan đến hành vi quấy rối thể chất nặng nề như “*bị hiếp dâm*” (91,7 % xác định đó là xâm hại tình dục).

Những biểu hiện được nữ sinh xác định đó là quấy rối tình dục có tính đồng nhất cao là “*Một kẻ cứ nhìn chăm chăm vào bộ phận nhạy cảm trên cơ thể của cô gái*” (90,3%); “*Bạn gái đi làm thêm vào buổi tối và gặp một kẻ cố ý phô bày bộ phận sinh dục khiến bạn thấy xấu hổ, bất an*” (85,9 %); “*Nữ sinh bị ép xem ảnh khiêu dâm dù bạn ấy không muốn và từ chối*” (80,4%); “*Nam giới huýt sáo, cười cợt, bình phẩm về chỗ nhạy cảm trên cơ thể của bạn gái, ví dụ như “ô! mông em bự thế!” khiến bạn ấy xấu*

hổ”(66,7%). Nhóm biểu hiện này đều có trên 60% khách thể xác định đó chính là hành vi quấy rối tình dục.

Các hành vi quấy rối tình dục có số ít nữ sinh xác định đó là QRTD rơi vào tình huống gắn với biểu hiện “*liếc mắt đưa tình*” (chỉ 18,9 %), *lễo đẹo đi theo rất lâu và buông lời tán tỉnh, gạ tình* (38,2%), *ép nghe những câu chuyện liên quan đến tình dục* (28,4 %), *gửi tin nhắn, email liên quan đến tình dục* (20,4 %). Với các hành vi này, khá nhiều nữ sinh nhầm lẫn với hình thức trêu đùa, tán tỉnh, thậm chí có những khách thể cho rằng đó chỉ là những hành vi bình thường. Đây là những hành vi mà trong cuộc sống hiện nay chúng ta cũng thường hay gặp, trong những bối cảnh thông thường, rất nhiều người nghĩ rằng đó chỉ là trêu đùa, tán tỉnh nhưng trong những tình huống này nó được xem là quấy rối tình dục bởi nó mang đặc điểm chính của QRTD (xem Bảng 1).

Tóm lại, nữ sinh viên đã có những hiểu biết nhất định nhưng vẫn còn chưa thật sự thống nhất hoặc còn nhầm lẫn trong một số biểu hiện. Nữ sinh nhận diện tốt những tình huống quấy rối tình dục nghiêm trọng, có tính đụng chạm về mặt cơ thể, dễ quan sát và đo đếm được. Với các hành vi ít nghiêm trọng hơn, thể hiện thông qua lời nói, hoặc cử chỉ phi ngôn ngữ, quấy rối tình dục trực tuyến..., có thể bị nhầm lẫn với trêu đùa, tán tỉnh. Những kết quả này cũng đồng hướng với kết luận trong nghiên cứu của Ei và Bowen (2002).

Bảng 1. Khả năng nhận diện các biểu hiện của quấy rối tình dục của nữ sinh (N=618)

TT	Tình huống	Là biểu hiện của hành vi (%)				
		<i>Trêu đùa</i>	<i>Tán tỉnh</i>	<i>Quấy rối tình dục</i>	<i>Xâm hại tình dục</i>	<i>Bình thường</i>
1	Bạn gái đang đi bộ đến trường, trên đường vắng một kẻ cứ lễo đẹo đi theo “ <i>liếc mắt đưa tình</i> ” khiến bạn ấy khó chịu, lo lắng	53,4	26,5	18,9	0	1,1
2	Nam giới huýt sáo, cười cợt, bình phẩm về chỗ nhạy cảm trên cơ thể của bạn gái, ví dụ như “ <i>ôi hông em bự thế!</i> ” khiến bạn ấy xấu hổ, bực mình.	28,5	3,2	66,7	1,3	0,2
3	Một kẻ cứ nhìn chăm chăm vào bộ phận nhạy cảm trên cơ thể của cô gái khiến cô ấy mất tự tin	2,4	2,3	90,3	3,1	1,9
4	Người khác sờ mó, đụng chạm một cách cố ý vào bộ phận cơ thể bạn nữ tại nơi công cộng (bến xe, ga tàu, công viên, xe bus,...)	0,3	0,5	48,9	50,3	0
5	Bạn gái đang đi bộ , một kẻ cứ lễo đẹo đi theo rất lâu và buông lời tán	11,7	48,1	38,2	1,5	0,6

	tình, khiến bạn ý bức bối, sợ hãi					
6	Bạn gái đi làm thêm vào buổi tối và gặp một kẻ cố ý phô bày bộ phận sinh dục khiến bạn thấy xấu hổ, bất an	1,8	2,6	85,9	9,7	0
7	Người khác gửi tin nhắn hoặc email liên quan đến tình dục tục tới bạn dù bạn đã tỏ thái độ khó chịu và đã từ chối	6,0	66,5	20,4	0,8	6,3
8	Nữ sinh bị ép xem ảnh khiêu dâm dù bạn ấy không muốn và từ chối	1,8	2,4	80,4	15,0	0,3
9	Người khác quay chụp/phát tán hình ảnh cá nhân của bạn mà không được đồng ý	22,0	2,8	52,3	19,9	3,1
10	Nữ sinh bị hiếp dâm	0,3	0,6	5,7	91,7	1,6
11	Dù bạn đã tỏ ra khó chịu nhưng mọi người trong nhóm cứ cố tình kể những câu chuyện tình dục tục tĩu với bạn	28,0	2,3	28,4	6,0	5,3
12	Bạn trai nhiều lần đề nghị quan hệ tình dục với bạn dù bạn rất ngại, không muốn.	0,6	3,4	61,7	24,3	10,0
13	Nữ sinh đi xe buýt từ nhà đến trường, trên chuyến xe vắng khách anh tài xế khi cúi xuống lấy đồ đã cố ý đặt tay vào vùng kín của nữ sinh	0,3	0,2	39,3	58,7	0,5
14	Giáo viên quàng tay ôm nữ sinh viên khi cùng đi hát karaoke giao lưu khiến bạn ấy rất ngại	9,4	8,6	58,4	12,1	11,5
15	Khi vợ thầy vắng nhà, thầy giáo thường nhắn tin hẹn nữ sinh viên đến nhà riêng để hướng dẫn bài tập khiến nữ sinh lo lắng, khó xử	1,9	15,5	69,7	8,4	4,4

2.3.1.1. Nguyên nhân gia tăng tình trạng quá rối tình dục: đa dạng, đến từ môi trường cũng như xuất phát từ đặc điểm tâm lý- xã hội của nữ sinh

Khách thể cho rằng, nhóm nguyên nhân tác động nhiều nhất đến tình trạng gia tăng quá rối tình dục hiện nay là các yếu tố liên quan đến môi trường sống, là hệ lụy của sự phát triển internet và các kênh thông tin tiêu cực cũng như sự tác động từ môi trường gia đình thiếu lành mạnh, vai trò giáo dục gia đình ngày càng giảm sút (i) “*Sự phát triển của internet và các kênh thông tin tiêu cực làm phát tán văn hóa bạo lực và tình dục tạo nên sự tò mò, kích động và dễ có hành vi lệch chuẩn ở những đối tượng xấu*”,

xếp thứ bậc 1 với $\bar{x} = 5,18$; (ii) “*Môi trường sống trong gia đình còn thiếu lành mạnh, mãi kiếm sống, bỏ bê con cái, cha mẹ hoặc người chăm sóc sống không gương mẫu*”, xếp thứ bậc 2 ($\bar{x} = 5,45$); “*Gia đình chưa biết cách trò chuyện, hướng dẫn con trẻ các kiến thức, kỹ năng cần thiết để phòng ngừa với QRTD*” (thứ bậc 3, $\bar{x} = 5,78$);

Nhóm nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế về kỹ năng ứng phó, đặc điểm về tâm lý – xã hội của nữ giới nói chung và thái độ của phái nữ nói riêng trước vấn đề QRTD cũng tác động không nhỏ, làm gia tăng tình trạng QRTD, cụ thể là: i) *sự im lặng của PN và TEG* (thứ bậc 4), ii) *chưa mạnh dạn tố cáo hành vi QRTD* (thứ bậc 5); *bản thân phụ nữ vốn là đối tượng yếu thế, dễ là nạn nhân của QRTD* (Thứ bậc 6), *PN và TEG chưa biết cách phòng ngừa, ứng phó hiệu quả trước các tình huống QRTD* (Thứ bậc 7).

Sự tác động của bất bình đẳng giới, sự chi phối của các quan niệm về tình dục, về các vấn đề liên quan đến giới và giới tính cũng như những hạn chế về các dịch vụ xã hội cho nạn nhân ... cũng là các yếu tố có tác động nhất định đến việc gia tăng tình trạng quấy rối tình dục nhưng theo khách thể khảo sát, sự ảnh hưởng là ít hơn. (xem Bảng 2).

Bảng 2. Nguyên nhân gia tăng tình trạng quấy rối tình dục hiện nay

TT	Nội dung	TBC	ĐLC	Thứ bậc
1	Gia đình chưa biết cách trò chuyện, hướng dẫn con trẻ các kiến thức, kỹ năng cần thiết để phòng ngừa với QRTD	5,78	3,88	3
2	Hoạt động giáo dục giới tính trong nhà trường chưa có hoặc chưa hiệu quả	7,74	3,72	8
3	Môi trường sống trong gia đình còn thiếu lành mạnh, mãi kiếm sống, bỏ bê con cái, cha mẹ hoặc người chăm sóc sống không gương mẫu.	5,45	3,61	2
4	Sự phát triển của internet và các kênh thông tin tiêu cực làm phát tán văn hóa bạo lực và tình dục tạo nên sự tò mò, kích động và dễ có hành vi lệch chuẩn ở những đối tượng xấu.	5,18	3,57	1
5	Các dịch vụ hỗ trợ xã hội cho nạn nhân còn thiếu, chưa hiệu quả	9,37	3,06	12
6	Quan niệm về tình dục, về ứng xử các vấn đề liên quan đến giới và giới tính có xu hướng bảo vệ, dung túng cho hành vi quấy rối tình dục	7,10	3,38	10
7	Phụ nữ và trẻ em gái vốn là những đối tượng yếu thế nên dễ là nạn nhân của quấy rối tình dục	6,95	3,75	6
8	Phụ nữ và trẻ em gái chưa mạnh dạn lên tiếng tố cáo hành vi quấy rối tình dục	6,78	3,48	5
9	Lối sống, cách ăn mặc của một số phụ nữ và trẻ em gái khiêu khích hành vi quấy rối tình dục	8,94	3,75	9

10	Nữ giới chưa biết cách tự bảo vệ, ứng phó hiệu quả với quấy rối tình dục	7,03	3,27	7
11	Sự mất cân bằng về quyền lực, địa vị, cấp bậc khiến nữ giới gặp bất lợi trước hành vi/tình huống quấy rối tình dục	8,12	3,54	11
12	Sự im lặng của nữ giới trước hành vi quấy rối tình dục vì sợ làm hỏng các mối quan hệ với người yêu/ bạn bè/ thầy giáo/ đồng nghiệp.	6,00	3,54	4

2.3.1.2. Hậu quả của quấy rối tình dục: Gây nhiều hệ lụy đối với cả cá nhân, gia đình và xã hội

Quấy rối tình dục có thể gây ra nhiều hệ lụy đối với cá nhân lẫn gia đình và xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy, trên 80 % khách thể đồng tình QRTD gây ra những tác động trực tiếp về thể chất và tâm lí của phụ nữ và trẻ em gái - những đối tượng có nguy cơ cao bị quấy rối tình dục. Quấy rối tình dục khiến nạn nhân xuất hiện những cảm xúc tiêu cực như “*lo lắng, bất an, sợ, tức giận, xấu hổ với mọi người xung quanh*”, gây ra những “*tổn thương thể chất*” (*mang thai trước tuổi, mắc các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục,...*) và cản trở các mối quan hệ xã hội của nữ giới vì nạn nhân có thể rơi vào trạng thái “*Lảng tránh, ngại tiếp xúc, luôn trong trạng thái đề phòng khi tiếp xúc người khác giới*”. Ngoài những hậu quả đối với nạn nhân, hành vi quấy rối tình dục là một trong những yếu tố gây “*Gây bất ổn xã hội*” thậm chí “*Làm xấu hình ảnh của cộng đồng, quốc gia*”. Quấy rối tình dục có thể gây ra những hậu quả đối với gia đình nạn nhân, khiến “*bầu không khí gia đình bị xáo trộn*” (74,6%), “*Phá vỡ sự ổn định của gia đình (li hôn, chuyển nhà, bố mẹ phải nghỉ việc chăm con, ...)*” (79,8%).

Bảng 3. Hậu quả của quấy rối tình dục

TT	Nội dung	Tần số	%	Thứ bậc
1	Lo lắng, bất an, sợ, tức giận, xấu hổ với mọi người xung quanh	554	89,6	1
2	Lảng tránh, ngại tiếp xúc, luôn trong trạng thái đề phòng khi tiếp xúc người khác giới	506	81,9	3
3	Bị đổ lỗi, người khác đàm tiếu, nói xấu, bị cô lập	305	49,4	11
4	Ngại đi ra ngoài hoặc đến các nơi công cộng	399	64,6	9
5	Chán học, học hành sa sút, bỏ học	318	51,5	10
6	Giảm hiệu quả công việc, bỏ việc từ đó giới hạn khả năng phát triển của nữ giới	280	45,3	12
7	Tổn thương sức khoẻ thể chất (mang thai trước tuổi, mắc các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục,...)	536	86,7	2
8	Rối nhiễu hành vi, thay đổi cảm xúc (buồn nôn, dễ cáu giận và giận dữ, mất ngủ, giảm cân, khóc không kiểm soát, tìm đến chất gây nghiện để giải toả những chấn	438	70,9	8

	thương...)			
9	Xáo trộn bầu không khí gia đình	461	74,6	7
10	Phá vỡ sự ổn định của gia đình (li hôn, chuyển nhà, bố mẹ phải nghỉ việc chăm con,...)	493	79,8	6
11	Làm suy giảm kinh tế gia đình	120	19,4	15
12	Gây bất ổn xã hội	504	81,6	4
13	Làm giảm sự phát triển kinh tế	138	22,3	14
14	Tăng chi phí an sinh, phúc lợi xã hội	144	23,3	13
15	Làm xấu hình ảnh của cộng đồng, quốc gia	496	80,3	5

Nhìn chung, nữ sinh viên đã có những hiểu biết nhất định về quấy rối tình dục và các vấn đề liên quan đến quấy rối tình dục. Qua góc nhìn của nữ sinh, có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến gia tăng tình trạng quấy rối tình dục, các yếu tố đó đặc biệt đến từ môi trường ngày càng nhiều những rủi ro mà nữ sinh đang phải đối mặt hàng ngày, sự ảnh hưởng của các đặc điểm về giới, bản thân nữ sinh còn chưa được trang bị những kỹ năng phòng ngừa ứng phó hiệu quả, chưa mạnh mẽ “lên tiếng” với quấy rối tình dục là những yếu tố được phân nhiều khách thể lựa chọn. Quấy rối tình dục gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực, trước hết là với các nạn nhân, sau đó là gia đình, là một trong những rào cản, cản trở sự phát triển của phụ nữ và trẻ em gái nói riêng, sự phát triển của xã hội nói chung.

2.3.2. Nhận diện các nguy cơ bị quấy rối tình dục

2.3.2.1. Nhận diện các tình huống có nguy cơ bị quấy rối tình dục:

Bảng 4. Nhận diện các tình huống có nguy cơ bị quấy rối tình dục

TT	Các tình huống có nguy cơ xảy ra QRTD	ĐLC	TBC	$\bar{x}$ nhóm
1	Đi làm thêm tại:	0,67	3,11	2,53
	- Quán nhậu			
	- Quán cà phê	0,58	2,15	
	- Gia sư tại nhà	0,82	2,42	
	- Nơi khác	0,88	2,44	
2	Tham gia các hoạt động học tập tại trường học:	0,65	1,43	1,59
	- Học chuyên ngành			
	- Học thể dục, thể thao	0,64	1,59	
	- Học/ sinh hoạt ngoại khoá, đoàn, hội	0,71	1,71	
	- Học thêm tin học/ ngoại ngữ	0,72	1,62	
3	Đến các địa điểm công cộng (chợ, bến xe, ga tàu, công viên,...)	0,77	2,77	2,77
4	Đi tắm biển	0,78	2,72	2,72
5	Sử dụng các phương tiện công cộng (xe buýt, xe khách, tàu,...)	0,72	2,97	2,97
6	Ở nhà trọ, khu dân cư có an ninh không đảm bảo	0,74	3,33	3,33

Qua góc nhìn của nữ sinh, trường học dường như là nơi ít có nguy cơ nhất có thể xảy ra các hành vi quấy rối tình dục ($\bar{x} = 1,59$), tuy nhiên cũng không hẳn là không có nguy cơ hoàn toàn. Trong đó một số hoạt động học tập có điểm trung bình cộng thuộc mức trung gian giữa “không có nguy cơ” và “có nguy cơ thấp”. Khi tham gia các hoạt động ngoại khoá, đoàn/hội có tiềm ẩn những nguy cơ nhất định ($\bar{x} = 1,71$). Các không gian khác như tại nơi làm thêm, các địa điểm công cộng và các phương tiện công cộng có điểm trung bình cộng dao động từ 2,53-2,97, có thể hiểu là có nguy cơ và thiên về nguy cơ cao nhiều hơn, trong đó làm thêm tại quán nhậu có khả năng bị quấy rối tình dục nhiều hơn cả ($\bar{x} = 3,11$). Ở nhà trọ, khu dân cư có an ninh không đảm bảo dường như là nơi có nguy cơ cao nhất xảy ra quấy rối tình dục ($\bar{x} = 3,34$). Kết quả này đồng hướng với một số nghiên cứu trước cùng vấn đề. (Action Aid, 2010; UN Women, 2016; Lê Thị Lâm, 2018). (xem Bảng 4).

2.3.2.2. Nhận diện các khu vực, thời điểm có nguy cơ quấy rối tình dục

Các khu vực và địa điểm trong trường học dường như vẫn là ít nguy cơ xảy ra quấy rối tình dục nhất, ngoại trừ nhà vệ sinh trường học ($\bar{x} = 2,66$). Các đoạn đường vắng, thiếu đèn đường ($\bar{x} = 3,65$) và nơi nhà trọ, khu trọ ($\bar{x} = 3,08$) là nơi tiềm ẩn những nguy cơ cao xảy ra quấy rối tình dục nữ sinh. Các địa điểm công cộng khác cũng như trên các phương tiện công cộng là có nguy cơ xảy ra quấy rối tình dục, điểm trung bình cộng dao động từ 2,54- 2,96. Kết quả này là đồng hướng với kết quả từ bảng 5 cho thấy sự đồng nhất trong nhận thức của nữ sinh viên khi nhận diện các nguy cơ xảy ra quấy rối tình dục.

Bảng 5. Nhận diện các khu vực, địa điểm có nguy cơ quấy rối tình dục

TT	Địa điểm	TBC	ĐLC	Xếp hạng
1	Sân, khuôn viên trường học	1,61	0,61	12
2	Nhà vệ sinh trường học	2,66	0,74	6
3	Trong lớp học	1,57	0,62	13
4	Nhà ăn, căng tin	1,54	0,59	14
5	Sân chơi/ phòng học thể dục, thể thao	1,83	0,72	10
6	Nhà vệ sinh nơi công cộng	2,96	0,78	3
7	Các đoạn đường vắng, thiếu đèn đường	3,65	0,60	1
8	Công viên, khu vui chơi	2,54	0,81	8
9	Chợ/ siêu thị/ khu mua sắm	2,04	0,73	9
10	Bãi tắm công cộng	2,68	0,83	5
11	Bến xe, ga tàu	2,68	0,81	5
12	Trên xe buýt, xe khách	2,79	0,78	4
13	Hành lang lớp học	1,68	0,72	11
14	Nơi nhà trọ, khu trọ	3,08	0,72	2
15	Nơi làm thêm	2,61	0,75	7

2.3.2.3. Nhận diện đối tượng có nguy cơ gây ra quấy rối tình dục

Theo nữ sinh viên gần như thủ phạm của quấy rối tình dục là bất kỳ. Trong đó, người mắc bệnh tình dục (ấu dâm, phô dâm,...), người lạ và người khác giới là đối tượng có nguy cơ cao gây ra quấy rối tình dục ($\bar{x}$ dao động từ 3,01- 3,60), người quen và người thân có nguy cơ nhưng không cao bằng. Phát hiện từ một số nghiên cứu trước đó trên đối tượng là học sinh, sinh viên về quấy rối tình dục đường phố, thủ phạm cũng được xác định chủ yếu là người lạ. (Lê Thị Lâm, 2018; Cynthia Grant Bowman, 1993). Điều này cũng khá dễ hiểu vì người lạ sau khi thực hiện xong hành vi quấy rối thì sẽ không ai biết đến họ, nạn nhân sẽ không biết rõ về họ để truy tố, người lạ lại chẳng phải đối mặt với vấn đề đạo đức hay sợ rạn nứt mối quan hệ trong xã hội (như mối quan hệ gia đình, bạn bè, người thân,...) (Bảng 6).

Bảng 6. Nhận diện đối tượng có nguy cơ gây ra quấy rối tình dục

TT	Đối tượng	TBC	ĐLC	Xếp hạng
1	Người lạ	3,25	0,74	2
2	Người quen (bao gồm cả bạn bè)	2,37	0,75	4
3	Người thân (gia đình, họ hàng)	1,99	0,81	5
4	Người cùng giới	1,76	0,74	7
5	Người khác giới	3,01	0,74	3
6	Người mắc bệnh tình dục (ấu dâm, phô dâm,...)	3,60	0,77	1
7	Giáo viên hoặc nhân viên trong trường	1,95	0,72	6

3. Kết luận

Quấy rối tình dục đang là một thực trạng hết sức phức tạp và nhức nhối đối với xã hội hiện đại. Tuy nhiên, bất chấp những hậu quả của QRTD gây ra thì trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn chưa có những can thiệp thật sự hiệu quả để chấm dứt tình trạng trên. Trong nhận diện các tình huống quấy rối tình dục, nữ sinh viên đã có những hiểu biết nhất định nhưng vẫn còn nhầm lẫn trong một số tình huống. Quấy rối tình dục gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực, trước hết là với các nạn nhân, sau đó là gia đình, là một trong những rào cản, cản trở sự phát triển của phụ nữ và trẻ em gái nói riêng, sự phát triển của xã hội nói chung. Trong hiểu biết của nữ sinh viên người mắc bệnh tình dục, người lạ và người khác giới là đối tượng có nguy cơ cao gây ra quấy rối tình dục; Những kết quả của nghiên cứu góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho công tác giáo dục phòng ngừa, xây dựng và tổ chức các chương trình nhằm phòng ngừa quấy rối tình dục.

Thực trạng này gợi ý cho nhà trường cần có những can thiệp mạnh mẽ hơn trong các hoạt động giáo dục, chính sách xã hội nhằm giúp nữ sinh nâng cao kiến thức và kỹ năng nhằm phòng ngừa hiệu quả hơn quấy rối tình dục. Đó có thể là: 1) Nghiên cứu đưa vào trong nội dung giảng dạy chính khóa của nhà trường như một chuyên đề độc lập hoặc tích hợp vào trong nội dung của hoạt động đoàn, hội để giúp người học hiểu về mức độ phổ biến và tính chất nghiêm trọng của hành động quấy rối tình dục, qua đó chính xác lại về nhận thức và cung cấp một số kỹ năng phòng ngừa cơ bản cho sinh

viên; 2) Nhà trường đa dạng hóa hoạt động đoàn thể, ngoại khóa, các câu lạc bộ, để cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng nhận diện, phòng chống quấy rối tình dục. Hình thành các nhóm sinh viên nòng cốt trong phòng ngừa quấy rối tình dục, là những cánh tay nối dài giúp lan toả và thu hút sự tham gia của các lực lượng cộng đồng trong phòng ngừa quấy rối tình dục. 3) Nghiên cứu và bổ sung một số nội dung về phòng chống quấy rối tình dục học đường vào nội quy của nhà trường hoặc một bộ quy tắc riêng trong đó bao gồm các nội dung như định nghĩa và minh họa hành vi quấy rối tình dục; cung cấp những hướng dẫn cho nạn nhân, thủ tục khiếu nại, các hình thức kỷ luật. 4) Cần thiết lập các hệ thống giám sát phòng chống quấy rối tình dục và quán triệt cho cán bộ, nhân viên trong trường. 5) Nhà trường cần thông báo công khai các địa chỉ liên lạc của những cán bộ chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề này trong trường học để sinh viên có nhu cầu cần được hỗ trợ hoặc báo cáo được biết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Action Aid, 2014. Báo cáo tóm tắt “*Thành phố an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái: Nơi giấc mơ thành sự thật*” <http://www.actionaid.org/sites/files/actionaid/aavbc_tp_an_toan-vn-trang-24-11-2014_1.pdf>, ngày truy cập 08/03/2016.
- [2] Aware, 2008. Các vấn đề quấy rối tình dục tại nơi làm việc tại Singapore <<https://www.aware.org.sg/training/wsh-site/14-statistics/>>, ngày truy cập 30/6/ 2019.
- [3] Boland, M. L., 2005. *Sexual harassment in the workplace*. Sphinx Publishing.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. Quyết định số 327/QĐ-BGDDT ngày 25/01/2017 về Kế hoạch phát triển Nghề Công tác xã hội trong ngành giáo dục giai đoạn 2016-2020 < <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyet-dinh-327-QD-BGDDT-Ke-hoach-phat-trien-nghe-cong-tac-xa-hoi-trong-nganh-Giao-duc-2017-2020-339050.aspx>>, ngày truy cập 15/09/ 2017.
- [5] Bowman, C.G, 1993. *Street Harassment and the Informal Ghettoization of Women*. Harvard Law Review, Vol. 106, No. 3 (Jan., 1993), pp. 517-580.
- [6] Duffy, J., Wareham, S., & Walsh, M. (2004). *Psychological consequence for high school students of having been sexually harassed*. Sex Roles, 50, 81 1-821.
- [7] Ei, S., & Bowen, A., 2002. *College students' perceptions of student-instructor relationships*. Ethics & Behavior, 12(2), 177-188
- [8] Fineran, S. & Gruber, J., 2008. *Mental health outcomes of sexual harassment*. In M. A. Paludi (Ed.) *The psychology of women at work: Challenges and solutions for our female workforce* (pp. 89-107). Westport, CT: Praeger Publishers.
- [9] Gruber, JE, & Bjorn, L.,1990. *Women's responses to sexual harassment: An analysis of socio cultural, organizational and personal resource models*. Social Science Quarterly, 67, 814–826.
- [10] Harned, M. S., & Fitzgerald, L. F., 2002. *Understanding a link between sexual harassment and eating disorder symptoms: A mediational analysis*. Journal of Counseling and Clinical Psychology, 70, 1170-1181.
- [11] Hollaback và Cornell, 2014. *Street Harassment: The largest International Cross – Cultural Study*, <<https://www.ihollaback.org/cornell-international-survey-on-street-harassment/#cr>>. Ngày truy cập 16/06/2018.

- [12]ILRF, 2002. *Sexual harrasement in the workplace a report from Field Research in Thailand*.
- [13]Lê Thị Lâm, 2016. *Trải nghiệm và thái độ của sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng với vấn đề quấy rối tình dục phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 4(101).2016).
- [14]Lê Thị Lâm, 2018. *Trải nghiệm của học sinh, sinh viên với quấy rối tình dục nơi công cộng*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế về Tâm lí học đường lần VI.
- [15]Lindberg, S. M., Hyde, J. S. & McKinley, N., 2006. *A measure of objectified body consciousness for pre-adolescent and adolescent youth*. Psychology of Women Quarterly, 30, 65-76.
- [16]McCabe, Marita & Hardman, Lisa., 2006. *Attitudes and Perceptions of Workers to Sexual Harassment*. The Journal of social psychology. 145. 719-40. 10.3200/SOCP.145.6.719-740.
- [17]O'Hare, E., & O'Donohue, W., 1998. *Sexual harassment: Identifying risk factors*. Archives of Sexual Behavior, 27(6), 561–579.
- [18]Pryor, JB, & Stoller, LM, 1994. *Sexual cognition processes in men who are high in the likelihood to sexually harass*. Personality and Social Psychology Bulletin, 20, 163–169.
- UN Women, 2016. Báo cáo nghiên cứu phạm vi: *Quấy rối tình dục và các hình thức bạo lực tình dục khác đối với phụ nữ nơi công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh*. (Bản dự thảo).

ABSTRACT

Awareness of female college students in Da Nang city about sexual harassment

Le Thi Lam

Education and Psychology Department,

University of Science and Education, The University of Danang

The study conducted a survey of 618 female students at 5 universities in Da Nang city. The data collection tool is a questionnaire that fills open and closed questions to assess students' understanding of sexual harassment. Data is processed by SPSS 22.0 software. The results show that the ability to identify sexual harassment situations of female students is not really accurate or still confused in some situations. Girls identify sexual harassment situations that are physically, observable and measurable. Sexual harassment situations through verbal or non-verbal gestures, online sexual harassment can be confused with jokes and flirting. Working overtime, location, public transportation, especially empty roads, lack of street lights, inns, secure residential areas seem to be the place most at risk of female sexual harassment; People with sexually transmitted diseases (pedophile, prostitution,...), strangers and the opposite sex are at high risk of causing female sexual harassment. The meaning of the research results has been discussed.

Keywords: Awareness, sexual harassment, female students; University Danang.